

KHANG VIET

AUDITING & VALUATION CO.,LTD

*Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023*

Số: 0129-01/2024/BCKiT

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 7**

Mã số thuế: 0301455353

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 7

MỤC LỤC	Trang
1. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
3. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	5 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	10
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	11 - 25

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 7

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công Ty TNHH Một Thành Viên Dịch Vụ Công Ích Quận 7 (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), hân hạnh trình bày bản báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

1. Hội đồng thành viên, Ban điều hành:

Thành viên Hội đồng thành viên và Ban điều hành của Công ty trong năm 2023 và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

a. Hội đồng thành viên

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>
Ông Trương Văn Thủ	Chủ tịch
Ông Võ Hoàng Huân	Thành viên
Bà Phan Thị Hồng Hạnh	Thành viên

b. Ban điều hành

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>
Ông Võ Hoàng Huân	Giám Đốc
Bà Lê Thị Kiều Nga	Phó Giám Đốc
Bà Hà Thùy Linh	Kế toán trưởng

c. Ban kiểm soát

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>
Ông Trần Minh Trí	Kiểm soát viên

Người Đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Võ Hoàng Huân Giám đốc công ty.

2. Trụ sở chính

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Số 1414 Huỳnh Tấn Phát - Phường Phú Mỹ - Quận 7 - TP Hồ Chí Minh.

3. Ngành nghề kinh doanh

- + Hoạt động công ích;
- + Sửa chữa, nâng cấp và xây dựng nhà thuộc sở hữu Nhà nước (nhà ở, trường học, công sở);
- + Tham gia xây dựng bố trí tái định cư theo quy hoạch và chỉ tiêu kế hoạch hoặc đơn đặt hàng của Nhà nước;
- + Thi công xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp vừa và nhỏ;
- + Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường bộ và đường sông;
- + San lấp mặt bằng, thi công các công trình giao thông, xây dựng dân dụng, công nghiệp và xây dựng khai thác kho chứa hàng hóa;
- + Xây dựng và kinh doanh địa ốc;
- + Dịch vụ khảo sát thiết kế công trình giao thông, công nghiệp, dân dụng;
- + Thiết kế kỹ thuật, lập dự toán các công trình.

4. Đánh giá tình hình tài chính và kết quả kinh doanh

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các dòng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được thể hiện trong báo cáo tài chính từ trang 05 đến trang 25 (đính kèm).



CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 7
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

5. Sự kiện sau ngày lập bảng cân đối kế toán

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, không có sự kiện đáng chú ý nào xảy ra kể từ ngày lập bảng cân đối kế toán cho đến ngày lập báo cáo này có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty.

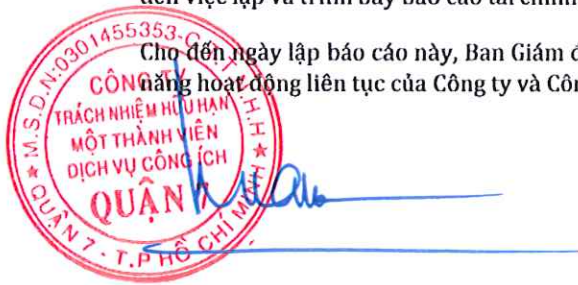
6. Đơn vị kiểm toán

Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Kiểm Toán & Định Giá Khang Việt (KVAC) thực hiện công tác kiểm toán Báo cáo tài chính niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

7. Ý kiến của Ban Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính phản ánh trung thực hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cho đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc nhận thấy không có vấn đề bất thường nào có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty và Công ty có khả năng hoàn trả các khoản nợ đến hạn trả.



VÕ HOÀNG HUÂN

Giám Đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 01 năm 2024

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Báo cáo tài chính năm 2023 của
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 7
Số: 0129-01/2024/BCKIT

Kính gửi: Ban Giám Đốc
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 7

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn MTV Dịch Vụ Công Ích Quận 7 (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 29 tháng 01 năm 2024, từ trang 05 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám Đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Công Ích Quận 7 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 01 năm 2024

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & ĐỊNH GIÁ KHANG VIỆT

Tổng Giám Đốc

Võ Duy Trung

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1276-2023-181-1

Kiểm toán viên

Hồ Thị Thu Vân

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3887-2022-181-1

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 7

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

(Đơn vị tính: VND)

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm 31/12/2023	Số đầu năm 01/01/2023
1	2	3	4	5
A. Tài sản ngắn hạn (100 = 110+120+130+140+150)	100		128.858.241.028	107.200.810.540
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	8.415.880.109	14.609.798.944
1. Tiền	111		8.415.880.109	14.609.798.944
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		30.297.534.247	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.02	30.297.534.247	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		83.976.510.884	84.645.065.411
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	87.659.687.158	87.371.615.288
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	2.114.877.987	561.317.600
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05a	413.214.282	61.403.718
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.06	(6.211.268.543)	(3.349.271.195)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		4.587.923.953	6.606.278.674
1. Hàng tồn kho	141	V.07	4.587.923.953	6.606.278.674
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.580.391.835	1.339.667.511
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.08	786.345.374	886.904.595
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	794.046.461	452.762.916
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. Tài sản dài hạn (200 = 210+220+240+250+260)	200		29.398.758.741	33.272.478.963
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		492.490.287	496.205.014
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu dài hạn nội bộ	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.05b	492.490.287	496.205.014
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		22.087.663.436	25.935.191.048
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	22.087.663.436	25.935.191.048
- Nguyên giá	222		63.374.950.490	62.921.375.755
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(41.287.287.054)	(36.986.184.707)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 7**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

(Đơn vị tính: VND)

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230	V.09	5.928.144.223	5.928.144.223
- Nguyên giá	231		5.928.144.223	5.928.144.223
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		716.238.371	664.255.593
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	716.238.371	664.255.593
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		174.222.424	248.683.085
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	174.222.424	248.683.085
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
Tổng cộng tài sản (270 = 100+200)	270		158.256.999.769	140.473.289.503

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 7

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

(Đơn vị tính: VND)

Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. Nợ phải trả (300 = 310+330)	300		81.580.252.417	65.797.161.234
I. Nợ ngắn hạn	310		81.290.252.417	64.307.161.234
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	29.227.930.189	17.026.810.143
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	43.941.221	15.904.021
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	1.574.605.330	1.101.365.186
4. Phải trả người lao động	314	V.15	18.651.167.855	21.767.731.367
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		4.639.476.304	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.16a	800.000.000	800.000.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18a	15.240.922.730	16.695.965.879
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		5.289.766.640	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.17	5.822.442.148	6.899.384.638
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		290.000.000	1.490.000.000
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.16b	-	1.200.000.000
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.18b	290.000.000	290.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
B. Vốn chủ sở hữu (400 = 410+430)	400	V.19	76.676.747.352	74.676.128.269
I. Vốn chủ sở hữu	410		68.986.576.109	66.985.957.026
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		25.386.000.000	25.386.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 7

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

(Đơn vị tính: VND)

Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.483.284.790	2.483.284.790
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		30.213.521.808	28.212.902.725
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		20.249.647.261	18.208.009.071
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		9.963.874.547	10.004.893.654
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		10.903.769.511	10.903.769.511
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		7.690.171.243	7.690.171.243
1. Nguồn kinh phí	431		7.690.171.243	7.690.171.243
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
Tổng cộng nguồn vốn (440 = 300+400)	440		158.256.999.769	140.473.289.503

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 01 năm 2024



Võ Hoàng Huân
Giám Đốc

Hà Thùy Linh
Kế Toán Trưởng

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 7

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(Đơn vị tính: VND)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	200.234.124.438	207.668.659.742
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01 - 02)	10		200.234.124.438	207.668.659.742
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	172.985.362.478	184.878.896.886
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		27.248.761.960	22.789.762.856
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	1.101.009.000	522.168.153
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	154.694.563	215.508.680
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		154.694.563	215.508.680
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.05	15.369.606.507	9.560.853.044
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)]	30		12.825.469.890	13.535.569.285
11. Thu nhập khác	31	VI.06	437.209.761	338.744.420
12. Chi phí khác	32	VI.07	553.204.981	1.248.079.715
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(115.995.220)	(909.335.295)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		12.709.474.670	12.626.233.990
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.11	2.745.600.123	2.621.340.336
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		9.963.874.547	10.004.893.654
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 01 năm 2024

Võ Hoàng Huân
Giám Đốc

Hà Thùy Linh
Kế Toán Trưởng

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 7

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(Đơn vị tính: VND)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
- Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		205.588.429.675	182.876.535.658
- Tiền trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2		(113.898.785.520)	(131.663.491.914)
- Tiền chi trả cho người lao động	3		(35.100.544.700)	(27.492.716.028)
- Tiền lãi vay đã trả	4		(154.694.563)	(215.508.680)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	5		(3.077.161.199)	(3.393.513.310)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		7.978.959.788	2.762.420.050
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	7		(37.114.356.505)	(25.193.696.673)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		24.221.846.976	(2.319.970.897)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(5.202.653.282)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(30.000.000.000)	-
- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
- Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		451.664.189	522.168.153
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(29.548.335.811)	(4.680.485.129)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
- Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu	32		-	-
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		4.125.850.000	9.186.228.539
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(4.993.280.000)	(16.117.443.451)
- Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(867.430.000)	(6.931.214.912)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(6.193.918.835)	(13.931.670.938)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	14.609.798.944	28.541.469.882
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	8.415.880.109	14.609.798.944

Trên đây là Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, ngày 29 tháng 01 năm 2024

Võ Hoàng Huân
Giám Đốc

Hà Thùy Linh
Kế Toán Trưởng

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 7

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(Đơn vị tính: VND)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công Ty Một Thành Viên Dịch Vụ Công Ích Quận 7 (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một thành viên được thành Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301455353 do Sở Kế hoạch & Đầu tư TP. HCM cấp lần đầu ngày 20 tháng 08 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 31 tháng 08 năm 2023.

Công ty có 100% vốn đầu tư do UBND TP.HCM là chủ sở hữu. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, công ty đã góp 100% vốn điều lệ.

2. Ngành nghề kinh doanh:

- + Hoạt động công ích;
- + Sửa chữa, nâng cấp và xây dựng nhà thuộc sở hữu Nhà nước (nhà ở, trường học, công sở);
- + Tham gia xây dựng bố trí tái định cư theo quy hoạch và chỉ tiêu kế hoạch hoặc đơn đặt hàng của Nhà nước;
- + Thi công xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp vừa và nhỏ;
- + Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường bộ và đường sông;
- + San lấp mặt bằng, thi công các công trình giao thông, xây dựng dân dụng, công nghiệp và xây dựng khai thác kho chứa hàng hóa;
- + Xây dựng và kinh doanh địa ốc;
- + Dịch vụ khảo sát thiết kế công trình giao thông, công nghiệp, dân dụng;
- + Thiết kế kỹ thuật, lập dự toán các công trình.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung và các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(Đơn vị tính: VND)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc, được soạn lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các qui định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền: bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Tương đương tiền: Là các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài

4. Các chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng cách lấy giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kế khai thường xuyên.

Lập dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, căn cứ vào tuổi nợ của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009, Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 và Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính.

5. Phương pháp phân bổ chi phí trả trước

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện hành thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(Đơn vị tính: VND)

6. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên tắc ghi nhận

Giá trị của tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích ước tính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05-30
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06-10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03

7. Quỹ lương

Quỹ tiền lương kế hoạch của người lao động và viên chức quản lý công ty năm 2022 được xây dựng:

- Quỹ tiền lương của người lao động: Công ty căn cứ theo quy định Thông tư 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động - Thương binh Xã hội.

- Quỹ tiền lương viên chức quản lý: Công ty căn cứ theo quy định Thông tư 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động - Thương binh Xã hội.

Quỹ tiền lương thực hiện năm 2022, Công ty đã trình cho chủ sở hữu nhưng chưa được duyệt phê duyệt.

8. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các chủ sở hữu.

9. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(Đơn vị tính: VND)

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

Doanh thu xây dựng

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tổng Công ty/Doanh nghiệp tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.

- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

10. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố liên quan.

11. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, với mức thuế suất theo quy định hiện hành là 20%.

Các báo cáo thuế của Công ty chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định thuế đối với các nghiệp vụ khác nhau có thể được hiểu theo nhiều cách khác nhau, do vậy, các số liệu thuế thể hiện trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của Cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(Đơn vị tính: VND)

12. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của doanh nghiệp báo cáo, bao gồm những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các bên liên quan với Công ty bao gồm:

- + Ủy Ban Nhân Dân thành phố Hồ Chí Minh - Đơn vị đại diện vốn nhà nước quản lý và kiểm soát Công ty
- + Các Đơn vị trực thuộc UBND thành phố Hồ Chí Minh - Các đơn vị đồng kiểm soát

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

01. Tiền và các khoản tương đương tiền

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
- Tiền mặt	250.202.597	169.245.066
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.165.677.512	14.440.553.878
+ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Nam Sài Gòn	2.225.041.371	6.742.057.325
+ Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Quận 7	5.787.530.622	7.517.123.763
+ Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Sài Gòn	127.311.463	156.120.839
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh TP.HCM	25.794.056	25.251.951
- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	-	-
Cộng	8.415.880.109	14.609.798.944

02. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
- Ngắn hạn	30.297.534.247	-
+ Tiền gửi có kỳ hạn	30.297.534.247	-
Cộng	30.297.534.247	-

03. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
- Phải thu các khách hàng khác	87.659.687.158	87.371.615.288
+ Ủy Ban Nhân Dân Quận 7	55.943.026.801	55.961.418.888
+ Ban quản lý DA đầu tư XD khu vực quận 7	12.911.004.563	14.034.196.717
+ Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các CT giao thông	7.802.101.373	9.731.123.475
+ Công ty TNHH Tư Vấn - Xây Dựng Đắc Minh Thành	3.743.477.008	3.743.477.008
+ Công Ty CP Đức Khải	2.002.470.575	2.002.470.575
+ Các Đối Tương Khách Hàng Khác	1.865.152.115	790.320.562
+ Đồ Công Hùng	1.217.909.507	-
+ Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích quận 4	805.243.736	-
+ Đội Công trình Đô Thị	492.870.716	643.287.103
+ Công ty CP Tập Đoàn Sài Gòn Peninsula	465.320.960	465.320.960
+ Đội Cây Xanh	411.109.804	-
Cộng	87.659.687.158	87.371.615.288

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 7**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(Đơn vị tính: VND)

04. Trả trước cho người bán ngắn hạn

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
+ Tổng Công ty Cơ Khí GT VTSG TNHH MTV SAMCO	1.569.000.000	-
+ XN Bán lẻ xăng dầu	394.808.186	-
+ Công ty Thẩm định giá Chuẩn Việt	63.500.000	63.500.000
+ Công ty Cổ phần Chứng khoán ASC	55.000.000	55.000.000
+ Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè	32.569.801	-
+ Cơ sở Hoa Kiếng Quỳnh Anh	-	248.050.000
+ Công Ty TNHH TM DV Bông May	-	57.089.400
+ Văn phòng luật sư Lương Hữu Phúc	-	114.000.000
+ Công Ty TNHH TM DV và Thiết Bị Công Nghiệp Phát Vinh	-	13.678.200
+ Công Ty TNHH MTV Vang Danh	-	10.000.000
Cộng	2.114.877.987	561.317.600

05. Phải thu khác**a. Phải thu ngắn hạn khác**

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
- Phải thu ngắn hạn khác	419.843.675	61.403.718
+ Phải thu ngắn hạn khác	351.810.564	-
+ Xi Nghiệp Đóng Tàu Đại Thắng	61.403.718	61.403.718
+ Bảo hiểm xã hội	5.282.805	-
+ Bảo hiểm Y Tế	932.260	-
+ Bảo hiểm thất nghiệp	414.328	-
Cộng	419.843.675	61.403.718

b. Phải thu dài hạn khác

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
- Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	492.490.287	496.205.014
- Ký quỹ ký cược	492.490.287	496.205.014
+ Ngân Hàng Eximbank CN Quận 7	278.912.984	304.349.114
+ Khu Quản lý Giao Thông Đô Thị Số 4	185.855.900	185.855.900
+ Ngân hàng TMCP Quân Đội - MB Hàm Nghi	10.807.403	-
+ TT Quản lý Hạ Tầng Kỹ Thuật TP. HCM	10.914.000	-
+ Công Ty TNHH Thanh Dân Cường	6.000.000	6.000.000
Cộng	492.490.287	496.205.014

06. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
- Các tổ chức và cá nhân khác	6.211.268.543	3.349.271.195
+ Công Ty Cổ Phần Đức Khái	2.002.470.575	2.002.470.575
+ Công Ty TNHH Tư Vấn và Xây Dựng Đắc Minh Thành	3.743.477.008	1.346.800.620
+ Công ty CP Tập Đoàn Sài Gòn Peninsula	465.320.960	-
Cộng	6.211.268.543	3.349.271.195

07. Hàng tồn kho

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
- Chi phí SXKD dở dang	3.667.163.113	5.493.302.093
- Hàng hóa	920.760.840	1.112.976.581
Cộng	4.587.923.953	6.606.278.674

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 7**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(Đơn vị tính: VND)

08. Chi phí trả trước**a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

Chi tiêu	Năm nay	Năm trước
- Công cụ dụng cụ	786.345.374	827.842.095
- Chi phí chứng chỉ xây dựng	-	59.062.500
Cộng	786.345.374	886.904.595

b. Chi phí trả trước dài hạn

Chi tiêu	Năm nay	Năm trước
- Chi phí bảo lãnh	-	136.875.311
- Công cụ dụng cụ	62.414.650	-
- Chi phí thẩm định vốn hóa cổ phần	111.807.774	111.807.774
Cộng	174.222.424	248.683.085

09. Bất động sản đầu tư

	Bất động sản đầu tư	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	5.928.144.223	5.928.144.223
Số cuối năm	5.928.144.223	5.928.144.223
Giá trị hao mòn		
Số đầu năm	-	-
Số cuối năm	-	-
Giá trị còn lại		
- Số đầu năm	5.928.144.223	5.928.144.223
- Số cuối năm	5.928.144.223	5.928.144.223

Chi tiết bất động sản đầu tư	Số đầu năm	Tăng (giảm) trong năm	Số cuối năm
Nguyên giá	5.928.144.223	-	5.928.144.223
+ Căn hộ chung cư An Hòa	5.928.144.223	-	5.928.144.223
Giá trị hao mòn	-	-	-
+ Căn hộ chung cư An Hòa	-	-	-
Giá trị còn lại	5.928.144.223	-	5.928.144.223
+ Căn hộ chung cư An Hòa	5.928.144.223	-	5.928.144.223

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 7

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(Đơn vị tính: VND)

10. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số đầu kỳ 01/01/2023	16.628.954.248	-	45.963.722.507	328.699.000	-	62.921.375.755
- Mua trong năm	-	-	-	-	-	-
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	453.574.735	-	-	-	-	453.574.735
- Tăng khác (ghi cụ thể)	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ 31/12/2023	17.082.528.983	-	45.963.722.507	328.699.000	-	63.374.950.490
Giá trị hao mòn						
Số đầu kỳ 01/01/2023	9.887.328.222	-	26.941.641.556	157.214.929	-	36.986.184.707
- Khấu hao trong năm	648.222.732	-	3.565.313.283	87.566.332	-	4.301.102.347
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ 31/12/2023	10.535.550.954	-	30.506.954.839	244.781.261	-	41.287.287.054
Giá trị còn lại						
- Số đầu kỳ 01/01/2022	6.741.626.026	-	19.022.080.951	171.484.071	-	25.935.191.048
- Số cuối kỳ 31/12/2023	6.546.978.029	-	15.456.767.668	83.917.739	-	22.087.663.436



CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 7**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(Đơn vị tính: VND)

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
- Xây dựng cơ bản dở dang	716.238.371	664.255.593
+ Khu dân cư Đại Thắng	716.238.371	664.255.593
Cộng	716.238.371	664.255.593

12. Phải trả người bán ngắn hạn

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
- Phải trả các nhà cung cấp khác	29.227.930.189	17.026.810.143
+ Cơ sở Hoa Kiếng Quỳnh Anh	9.491.644.000	1.508.761.000
+ Các đối tượng khác	6.206.337.709	10.744.592.816
+ Công ty TNHH TM DV Cơ giới thanh Bình	5.861.479.844	1.800.141.840
+ Công ty TNHH TM DV XD Hồng Phúc	3.592.778.760	776.111.300
+ Công ty TNHH MTV Tư Vấn ĐT Xây Dựng Bảo Đạt	2.847.994.289	969.507.600
+ Công ty TNHH XD CTGT Bảo Thắng	1.227.695.587	1.227.695.587
Cộng	29.227.930.189	17.026.810.143

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
+ Công ty CP Tiến Phát Sanyo Homes	43.941.221	-
+ Cửa hàng bán lẻ xăng dầu 08 Đào Trí	-	15.704.021
+ TT Quản lý Hạ Tầng Kỹ Thuật TP HCM Tân Thuận	-	200.000
Cộng	43.941.221	15.904.021

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	12.709.474.670	12.626.233.990
- Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	-	480.467.692
+ Các khoản điều chỉnh tăng	-	480.467.692
Tăng do loại trừ khoản thuế GTGT, tiền chậm nộp, phạt khác.	1.018.525.941	123.208.606
Tăng do truy thu nộp TNDN năm 2020, 2021	-	51.145.586
Tăng do điều chỉnh giảm giá thành các hóa đơn sau quyết toán thuế	-	306.113.500
- Thu nhập chịu thuế	13.728.000.611	13.106.701.682
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	2.745.600.122	2.621.340.336

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 7

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(Đơn vị tính: VND)

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (tiếp theo)

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
- Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.101.365.186	-	6.076.720.230	5.603.480.086	1.574.605.330	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	237.354.133	2.745.600.123	3.077.161.199	-	568.915.209
- Thuế thu nhập cá nhân	-	62.577.404	1.090.894.728	1.100.617.197	-	72.299.873
- Tiền thuế đất	-	-	1.095.774.519	1.095.774.519	-	-
- Thuế môn bài	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	152.831.379	-	-	-	152.831.379
Cộng	1.101.365.186	452.762.916	11.011.989.600	10.880.033.001	1.574.605.330	794.046.461

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(Đơn vị tính: VND)

18. Phải trả khác

a. Phải trả ngắn hạn khác

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
- Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	15.240.922.730	16.695.965.879
+ Kinh phí công đoàn	3.120.643	85.368.785
+ Bảo hiểm xã hội	(6.629.393)	-
+ Bảo hiểm Y Tế	-	-
+ Bảo hiểm thất nghiệp	-	-
+ Phải trả khác	15.244.431.480	16.610.597.094
<i>Phạm Xuân Duy</i>	5.403.752.495	5.430.554.895
<i>Lê Văn Thành</i>	3.603.701.496	4.027.184.496
<i>Các đối tượng khác</i>	2.012.282.998	3.784.739.754
<i>Phạm Văn Hiếu</i>	1.317.246.194	319.901.892
<i>Phòng Tài Chính Kế Hoạch Quận 7</i>	877.681.396	925.283.677
<i>Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Công Ích Quận 7</i>	662.554.029	891.434.208
<i>Đối tượng mua CC An Hòa 1</i>	512.449.917	512.449.917
<i>XN đóng tàu Đại Thắng</i>	509.048.255	509.048.255
<i>Nguyễn Minh Thảo</i>	345.714.700	210.000.000
+ Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
Cộng	15.240.922.730	16.695.965.879

b. Phải trả dài hạn khác

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
+ Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	290.000.000	290.000.000
<i>Công ty TNHH DV Tiếp vận Toàn Cầu</i>	270.000.000	270.000.000
<i>Ký cược ký quỹ khác</i>	20.000.000	20.000.000
Cộng	290.000.000	290.000.000

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 7**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(Đơn vị tính: VND)

19. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
- Công Ty do nhà Nước sở hữu	25.386.000.000	25.386.000.000
Cộng	25.386.000.000	25.386.000.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu vệ sinh công trình công cộng	146.088.651.604	141.896.638.612
- Doanh thu bán lẻ xăng dầu	30.293.199.277	27.295.741.088
- Doanh thu xây dựng cơ bản	19.721.556.443	36.220.927.313
- Doanh thu khác	4.130.717.114	2.255.352.729
Cộng	200.234.124.438	207.668.659.742

02. Giá vốn hàng bán

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn vệ sinh công trình công cộng	120.231.429.729	121.455.528.928
- Giá vốn bán lẻ xăng dầu	30.126.302.218	27.130.869.243
- Giá vốn xây dựng cơ bản	19.347.208.213	34.935.674.001
- Giá vốn khác	3.280.422.318	1.356.824.714
Cộng	172.985.362.478	184.878.896.886

03. Doanh thu hoạt động tài chính

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi ngân hàng	1.101.009.000	522.168.153
Cộng	1.101.009.000	522.168.153

04. Chi phí tài chính

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
- Chi phí lãi vay	154.694.563	215.508.680
Cộng	154.694.563	215.508.680

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 7**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(Đơn vị tính: VND)

05. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên quản lý	7.004.789.045	6.703.815.442
- Chi phí vật liệu văn phòng	82.989.506	36.484.159
- Chi phí công cụ dụng cụ	178.123.935	232.450.691
- Chi phí khấu hao TSCĐ	499.200.286	197.645.892
- Thuế, phí và lệ phí	183.240.489	207.082.253
- Chi phí dự phòng	5.415.823.652	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.308.239.450	1.455.220.366
- Chi phí bằng tiền khác	697.200.144	728.154.241
Cộng	15.369.606.507	9.560.853.044

06. Thu nhập khác

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
- Thu nhập khác	437.209.761	295.191.540
- Tiền thu hộ phòng LĐ TBXH Q7	-	28.203.455
- Ban quản lý TSCĐ, CCDC	-	15.259.425
- CC BTNN bảo trì kết cấu HTGT đường bộ năm 2020	-	90.000
Cộng	437.209.761	338.744.420

07. Chi phí khác

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
- Nộp NSNN theo kiến nghị của KTNN	-	81.373.048
- Chi phí không hợp lệ	553.204.981	1.166.706.667
Cộng	553.204.981	1.248.079.715

08. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	34.275.869.841	60.523.763.533
- Chi phí nhân công	50.547.630.909	44.572.730.805
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	64.422.293.702	54.306.295.560
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.602.656.741	4.195.925.759
- Chi phí khác	3.384.664.570	31.410.132.087
Cộng	157.233.115.763	195.008.847.744

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan****a. Các bên liên quan khác với Công ty gồm:**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung	Số dư 31/12/2023
+ Ủy Ban Nhân Dân Quận 7	Đơn vị đại diện vốn nhà nước quản lý và kiểm soát Công ty	Phải thu ngắn hạn	55.943.026.801
+ Các Đơn vị trực thuộc UBND Quận 7	Đồng Kiểm Soát	Phải thu ngắn hạn	12.911.004.563

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(Đơn vị tính: VND)

b. Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Nội dung	Năm nay	Năm trước
+ Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng khu vực Quận 7	Doanh thu xây dựng cơ bản	11.183.035.487	25.396.658.039
	Doanh thu vệ sinh môi trường	129.775.758.958	124.022.668.393
+ Các Đơn vị trực thuộc UBND Quận 7 khác	Doanh thu vệ sinh môi trường	328.792.928	2.949.069.616
Tổng cộng		141.287.587.373	152.368.396.048

2. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho niên độ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 01 năm 2024



Võ Hoàng Huân
Giám Đốc

Hà Thùy Linh
Kế Toán Trưởng

